TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/DS-ST
Ngày: 19-4-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Hoa.

2. Bà Đoàn Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 41/2021/TLST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2021 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và mua bán",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-DS ngày 08/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2022/QĐST-DS ngày 28/3/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh E, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp X, xã B, huyện M, tỉnh Kiên Giang. *Có mặt*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh E: Luật sư Đ - Văn phòng Luật sư Đ, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang. *Có mặt*

- Bị đơn:

1. Anh X, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp A, xã H, huyện M, tỉnh Kiên Giang; *Có mặt*

2. Chị L, sinh năm 1971; địa chỉ: ấp X, xã B, huyện M, tỉnh Kiên Giang. *Có mặt*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà T, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp X, xã B, huyện M, tỉnh Kiên Giang. *Có đơn xin vắng*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:* Ngày 03/10/2007 anh X và chị L có vay 10 chỉ vàng. Ngoài ra anh X và chị L có mua phân bón trong thời gian dài, đến ngày 30/02/2016 tổng kết nợ là 49.258.000 đồng, anh X có trả được 5.000.000 đồng, còn nợ 44.258.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện: Anh E yêu cầu anh X và chị L trả số vàng 10 chỉ và số tiền 44.258.000 đồng và tiền lãi của số tiền mua phân bón 61 tháng tính từ ngày 30/02/2016 đến tháng 03/2021 là 43.665.613 đồng, tổng cộng tiền mua phân và lãi là 87.923.613 đồng.

Tại phiên tòa: Anh E yêu cầu anh X và chị L trả số vàng 10 chỉ, khi vay là vàng 9999 nhưng nay không có vàng 9999 thì yêu cầu trả loại vàng tương đương, số tiền mua phân 44.258.000 đồng và tiền lãi của số tiền mua phân 73 tháng (tính từ 30/02/2016 đến 19/4/2022) theo lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự số tiền 25.068.000 đồng. Anh E thống nhất cho anh X, chị L mỗi người trả 50% số nợ.

- *Bị đơn anh X trình bày:* Thừa nhận có nợ anh E 10 chỉ vàng và số tiền nợ phân bón, nhưng khi anh X và chị L ly hôn thì anh X và chị L đã thỏa thuận chị L chịu trách nhiệm trả số nợ vàng và tiền phân bón cho anh E. Vì khi ly hôn anh X có đưa cho chị L 50.000.000 đồng. Việc thỏa thuận chị L trả nợ anh E cũng đồng ý. Chị L trình bày 50.000.000 đồng anh đưa là cho con đi học là không đúng vì lúc đó thỏa thuận chị L mượn, nếu cho con thì không làm biên nhận.

Tại phiên tòa, Anh X thống nhất số nợ vàng 10 chỉ và tiền mua phân là 44.258.000 đồng, nếu chị L không thừa nhận thì anh X đồng ý trả 50% số nợ này, còn 50.000.000 đồng chị L mượn sẽ kiện trong vụ án khác. Anh X không thống nhất yêu cầu về việc anh E tính lãi vì khi bán đã có kê lãi rồi.

- *Bị đơn chị L trình bày:* Thống nhất trước đây vợ chồng có nợ anh E 10 chỉ vàng, đồng ý chia nợ vàng này với anh X. Nhưng tiền mua phân là anh X mua chứ không phải chị L mua. Không có việc anh X chuyển nợ của ông E cho chị L. Nay

thống nhất chia nợ vàng, chị sẽ trả 05 chỉ, còn tiền mua phân thì chị không biết, anh X mua thì anh X có trách nhiệm trả, chị L không đồng ý trả tiền phân. Không thống nhất việc anh E tính lãi.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T vắng mặt phiên tòa, nhưng tại phiên hòa giải có trình bày:* Trước đây bà T có số vàng cho vay, nhưng bà T không biết chữ nên đưa cho ông E đứng tên người cho vay, anh X ký nhận nợ của anh E. Nay cho anh E yêu cầu nhận vàng lại theo biên nhận. Bà không yêu cầu.

- *Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:* Về số nợ các bên đã thừa nhận nên nguyên đơn không cần phải chứng minh. Số tiền nợ phân bón phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, các bên không thỏa thuận được ai trả thì yêu cầu áp dụng Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình buộc cả hai cùng trả nợ. Tuy hợp đồng không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ, nhưng theo tập quán địa phương mua bất cứ món hàng nào thời hạn trả nợ khoảng 03 tháng; do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 468 của Bộ luật Dân sự để tính lãi suất trên nợ gốc mua phân 44.258.000 đồng, tính từ ngày 30/02/2016 đến khi xét xử là 73 tháng với số tiền lãi là 25.068.000 đồng.

- *Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng và chấp hành nội quy phiên tòa. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà T có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc anh X và chị L mỗi người trả 50% số vàng và nợ gốc phân bón. Không chấp nhận một phần yêu cầu của anh E về tiền lãi phân bón.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn cho rằng có cho vợ chồng anh X, chị L vay vàng và có bán phân bón cho anh X, chị L nhưng đến nay không trả nợ. Do đó, xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và mua bán"*.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà T có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã giải thích các trường hợp được trợ giúp pháp lý và quyền yêu cầu người bảo vệ quyền lợi hợp pháp, nhưng

các đương sự đều xác định không thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý. Anh E có nhờ Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, Luật sư đã được đăng ký bảo vệ cho anh E theo quy định.

[2] Nội dung tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 10 chỉ vàng 9999 hoặc tương đương và tiền nợ mua phân gốc là 44.258.000 đồng, lãi trên số tiền mua phân 73 tháng là 25.068.000 đồng. Bị đơn thống nhất trả vàng vay 10 chỉ và tiền mua phân gốc là 44.528.000 đồng, không thống nhất trả lãi.

Các đương sự thừa nhận số nợ vàng và tiền phân bón gốc nên căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là tình tiết có thật, các bên đều thừa nhận nên đương sự không cần phải chứng minh.

[3] Xét yêu cầu tiền lãi trên số tiền mua phân: Anh E và anh X hợp đồng mua bán phân nhiều năm, đến ngày 23/01/2016 cộng dồn số nợ là 49.258.000 đồng, anh X có làm biên nhận và đến ngày 03/12/2017 anh X có trả được 5.000.000 đồng. Anh E yêu cầu tính lãi do chậm trả nợ, nhưng anh X, chị L không thống nhất vì cho rằng khi bán đã có kê lãi.

Thấy rằng, theo quy định tại khoản 2 Điều 433 của Bộ luật Dân sự trường hợp không có thỏa thuận phương thức thanh toán thì được xác định theo tập quán tại địa điểm và thời điểm giao kết hợp đồng. Tuy nhiên, hợp đồng không thể hiện được thỏa thuận người mua phải chịu lãi nếu chậm trả nợ, không thể hiện được thời gian trả nợ nên không thể xác định được nghĩa vụ trả nợ là thời điểm nào, thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ; hợp đồng mua bán giữa anh E và anh X được diễn ra trong thời gian dài và thực hiện nhiều lần, đến nay các bên không thể xác định được thời điểm giao kết hợp đồng. Luật sư cho rằng tập quán địa phương thời gian trả nợ là 03 tháng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh tập quán này và cũng không thể xác định được thời điểm giao kết hợp đồng mua bán. Do đó, yêu cầu tính lãi trên số nợ tiền mua phân là chưa đủ cơ sở nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh, không chấp nhận đối với tiền lãi này.

[4] Xét nghĩa vụ trả nợ: Anh X cho rằng số vàng và tiền nợ phân bón của anh E khi ly hôn đã chuyển giao cho chị L vì chị L có mượn của anh X 50.000.000 đồng. Chị L không thống nhất và không thừa nhận việc chuyển giao nợ mà cho rằng 50.000.000 đồng anh X trình bày là anh X cho con đi học.

Sau khi được phân tích và tranh luận, anh X thấy không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho việc chuyển giao nợ nên thống nhất trả 50% số nợ cho anh E và anh E đồng ý nhận. Chị L cho rằng tiền phân bón là do anh X mua chị không biết nên anh X có nghĩa vụ trả. Thấy rằng, năm 2018 anh X và chị L ly hôn có xác định sống ly thân từ tháng 05/2016. Nhưng số nợ mua phân của anh E có trước ngày 23/01/2016 (âm lịch - ngày tổng kết nợ), tức nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân; tuy anh X là người trực tiếp mua nhưng mục đích là nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên Hội đồng xét xử căn cư Điều 37, 40 của Luật Hôn nhân và gia đình buộc chị L trả 50% số nợ.

[5] Từ những phân tích trên thấy rằng, yêu cầu của nguyên đơn về 10 chỉ vàng và số tiền nợ phân bón 44.258.000 đồng là có cơ sở; anh E không yêu cầu liên đới trả nợ mà thống nhất mỗi người trả 50% số nợ và anh X thống nhất trả 50% số nợ cho anh E. Cần buộc chị L trả cho anh E 50% số nợ là 05 chỉ vàng và 50% số tiền mua phân là 22.129.000 đồng.

[6] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Anh X và chị L mỗi người phải chịu án phí đối với nghĩa vụ phải thi hành là: (05 chỉ vàng x 5.500.000 đ + 22.129.000 đ) x 5% = 2.481.000 đồng.

- Anh E phải chịu án phí đối với yêu cầu tiền lãi không được chấp nhận là 25.068.000 đ x 5% = 1.253.000 đồng; được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.448.000 đồng; hoàn trả cho anh E số tiền 2.195.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 91, 92, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166, 280, 287, 430, 433, 440, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1- Chấp nhận một phần yêu cầu của anh E đối với anh X và chị L với số vàng 10 (Mười) chỉ (loại vàng 9999 hoặc tương đương) và số tiền mua phân là

44.258.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu hai trăm năm mươi tám nghìn đồng). Theo đó:

Buộc anh X trả cho anh E 05 (Năm) chỉ vàng 9999 (hoặc vàng tương đương) và số tiền 22.129.000 đồng (Hai mươi hai triệu một trăm hai mươi chín nghìn đồng).

Buộc chị L trả cho anh E 05 (Năm) chỉ vàng 9999 (hoặc vàng tương đương) và số tiền 22.129.000 đồng (Hai mươi hai triệu một trăm hai mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong số tiền, hằng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận một phần yêu cầu của anh E đối với số tiền lãi là 25.068.000 đồng (Hai mươi lăm triệu không trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

2- Án phí sơ thẩm:

Anh X chịu án phí là 2.481.000 đồng (Hai triệu bốn trăm tám mươi mốt nghìn đồng).

Chị L chịu án phí là 2.481.000 đồng (Hai triệu bốn trăm tám mươi mốt nghìn đồng).

Anh E chịu án phí 1.253.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi ba nghìn đồng); được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.448.000 đồng (Ba triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006313 ngày 26/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh; hoàn trả cho anh E số tiền 2.195.000 đồng (Hai triệu một trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

3- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Trường Hận